

**QUỐC HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghị quyết số: 82/2023/QH15

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn vay lại năm 2022 của các địa phương, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2021 nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài, điều chỉnh dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động chưa sử dụng hết năm 2021 của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan, chuyển nguồn kinh phí công tác phòng, chống dịch COVID-19 năm 2021 của các địa phương sang niên độ ngân sách năm 2022**

**QUỐC HỘI**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14;*

*Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 503/TTr-CP ngày 26 tháng 12 năm 2022, Tờ trình số 14/TTr-CP ngày 07 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 947/BC-UBTCNS15 ngày 28 tháng 12 năm 2022, Báo cáo thẩm tra số 960/BC-UBTCNS15 ngày 07 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban Tài chính, Ngân sách; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 400/BC-UBTVQH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến đại biểu Quốc hội,*

**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn vay lại năm 2022 của các địa phương**

1. Điều chỉnh giảm dự toán vốn vay lại năm 2022 của 07 địa phương, với tổng mức giảm là 1.547,8 tỷ đồng, trong đó, các thành phố: Hà Nội giảm 367,5 tỷ đồng, Đà Nẵng giảm 418,5 tỷ đồng, Cần Thơ giảm 394,3 tỷ đồng và các tỉnh: Quảng Ninh giảm 147 tỷ đồng, Quảng Bình giảm 158,7 tỷ đồng, Khánh Hòa giảm 47,8 tỷ đồng, Lạng Sơn giảm 14 tỷ đồng.

2. Điều chỉnh tăng dự toán vốn vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ năm 2022 của 07 địa phương với tổng mức tăng là 226 tỷ đồng, trong

đó, thành phố Hải Phòng tăng 20,2 tỷ đồng và các tỉnh: Bắc Kạn tăng 33,7 tỷ đồng, Phú Thọ tăng 7,3 tỷ đồng, Yên Bái tăng 55,7 tỷ đồng, Hải Dương tăng 83,8 tỷ đồng, Nam Định tăng 22,1 tỷ đồng, Bắc Giang tăng 3,2 tỷ đồng.

3. Điều chỉnh tăng dự toán chi trả nợ gốc năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn thêm 33,7 tỷ đồng để thực hiện trả nợ trước hạn. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn bố trí nguồn và thực hiện trả nợ trước hạn theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Chính phủ chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu điều chỉnh tăng, giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và chỉ đạo tổ chức thực hiện bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn và thời hạn giải ngân số vốn điều chỉnh tăng dự toán năm 2022 của các địa phương theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm kế hoạch vay lại vốn vay nước ngoài và mức bội chi ngân sách nhà nước năm 2022 không vượt mức Quốc hội đã phê duyệt.

### **Điều 2. Bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2021 nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài**

1. Bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài số tiền 14.713,362 tỷ đồng (*Chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo*).

2. Giao Chính phủ chỉ đạo các cơ quan, tổ chức và địa phương phối hợp với Kiểm toán nhà nước rà soát số liệu để thực hiện quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 nguồn vốn viện trợ không hoàn lại nguồn chi thường xuyên nêu tại khoản 1 Điều này theo quy định của pháp luật. Chính phủ chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu.

### **Điều 3. Điều chỉnh dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động chưa sử dụng hết năm 2021 của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan**

1. Giảm dự toán chi thường xuyên năm 2021 của Bộ Tài chính số tiền là 2.268,3 tỷ đồng, trong đó, của Tổng cục Thuế là 1.134,8 tỷ đồng, của Tổng cục Hải quan là 1.133,5 tỷ đồng; tăng tương ứng dự toán chi đầu tư phát triển năm 2021 của Bộ Tài chính, trong đó, của Tổng cục Thuế là 1.134,8 tỷ đồng, của Tổng cục Hải quan là 1.133,5 tỷ đồng; cho phép chuyển nguồn số kinh phí này sang năm 2023 để thực hiện đầu tư 95 dự án của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan theo đề xuất của Chính phủ tại Tờ trình số 503/TTr-CP ngày 26 tháng 12 năm 2022, thời gian giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Giao Chính phủ thực hiện phân bổ vốn, chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện các dự án bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan; tổng hợp, báo cáo Quốc hội vào cuối kỳ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 4. Chuyển nguồn kinh phí công tác phòng, chống dịch COVID-19 năm 2021 của các địa phương sang niên độ ngân sách năm 2022**

1. Chuyển 5.016,674 tỷ đồng nguồn ngân sách địa phương đã bố trí cho công tác phòng, chống dịch COVID-19 năm 2021 còn dư của 24 địa phương sang niên độ ngân sách năm 2022 để chi cho công tác phòng, chống dịch COVID-19 theo đúng quy định, không sử dụng cho mục đích khác (*Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo*); hủy dự toán số chuyển nguồn không sử dụng hết trong niên độ ngân sách nhà nước năm 2022 theo quy định của pháp luật.

2. Giao Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có liên quan triển khai thực hiện, quản lý, sử dụng kinh phí chuyển nguồn hiệu quả, đúng mục tiêu, đúng quy định của pháp luật.

**Điều 5. Giám sát thực hiện**

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính, Ngân sách, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này./.

---

*Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 2 thông qua ngày 09 tháng 01 năm 2023./.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Vương Đình Huệ**

**PHỤ LỤC 01**  
**BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
**NĂM 2021 NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI**  
**CỦA NƯỚC NGOÀI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 82/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023  
của Quốc hội)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Cơ quan, tổ chức, địa phương	Số bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2021 nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>14.713.362</b>
1	Bộ Công an	9.303
2	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	545.885
3	Bộ Ngoại giao	2.960
4	Bộ Y tế	13.155.820
5	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	63.247
6	Bộ Nội vụ	5.066
7	Bộ Quốc phòng	272.707
8	Bộ Giáo dục và Đào tạo	96.215
9	Bộ Giao thông vận tải	46.465
10	Ủy ban Dân tộc	9.868
11	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	12.196
12	Đài Tiếng nói Việt Nam	289
13	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	790
14	Hội Chữ thập đỏ	257.167
15	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	4.585

<b>STT</b>	<b>Cơ quan, tổ chức, địa phương</b>	<b>Số bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2021 nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài</b>
16	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)	15.880
17	Hội Cựu chiến binh Việt Nam	6.670
18	Hội Nông dân Việt Nam	35.038
19	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	10.294
20	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	23.403
21	Bắc Kạn	87.531
22	Gia Lai	14.641
23	Sóc Trăng	6.514
24	Kon Tum	25.434
25	Thanh Hóa	5.394

**PHỤ LỤC 02**  
**CHUYỂN NGUỒN KINH PHÍ CÔNG TÁC PHÒNG,**  
**CHỐNG DỊCH COVID-19 NĂM 2021 CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG**  
**SANG NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH NĂM 2022**

*(Kèm theo Nghị quyết số 82/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023  
của Quốc hội)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tỉnh, thành phố	Kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 năm 2021 còn dư được chuyển nguồn sang niên độ ngân sách năm 2022
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>5.016.674</b>
<b>I</b>	<b>MIỀN NÚI PHÍA BẮC</b>	<b>46.721</b>
1	Cao Bằng	12.780
2	Lạng Sơn	27.831
3	Hòa Bình	6.110
<b>II</b>	<b>ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG</b>	<b>2.030.995</b>
4	Hà Nội	769.150
5	Hải Phòng	305.133
6	Quảng Ninh	943.737
7	Hưng Yên	10.071
8	Vĩnh Phúc	2.904
<b>III</b>	<b>BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG</b>	<b>280.941</b>
9	Thanh Hóa	48.046
10	Hà Tĩnh	22.067
11	Đà Nẵng	16.207
12	Quảng Nam	11.801
13	Quảng Ngãi	22.673

STT	Tỉnh, thành phố	Kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 năm 2021 còn dư được chuyển nguồn sang niên độ ngân sách năm 2022
14	Phú Yên	5.223
15	Ninh Thuận	154.924
<b>IV</b>	<b>TÂY NGUYÊN</b>	<b>104.002</b>
16	Đắk Lắk	91.706
17	Gia Lai	12.296
<b>V</b>	<b>ĐÔNG NAM BỘ</b>	<b>947.240</b>
18	Tây Ninh	2.563
19	Bà Rịa - Vũng Tàu	944.677
<b>VI</b>	<b>ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG</b>	<b>1.606.775</b>
20	Long An	33.531
21	Cần Thơ	458.667
22	Hậu Giang	57.142
23	Kiên Giang	1.046.762
24	Bạc Liêu	10.673